

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST  
Ngày 29/9/2020  
V/v: “tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiểm

2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:  
ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1963

Nơi cư trú: thôn LL2, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Đồng bị đơn:

- Ông Đặng Văn B, sinh năm 1972

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1973

Đều cư trú: thôn LL1, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (đều vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Xuân To, sinh năm 1959

Nơi cư trú: thôn LL2, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị V trình bày:

Ngày 26/8/2012, ông Đặng Văn B và vợ là bà Trần Thị T viết giấy vay của bà số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 25/11/2012, ông B và bà T tiếp tục viết giấy vay của bà số tiền 50.000.000đồng, lãi suất

2%/tháng. Từ đó đến nay ông B bà T mới trả được khoảng 2 – 3 tháng tiền lãi của khoản vay 50.000.000đồng, còn khoản vay 10.000.000đồng chưa trả đồng lãi nào. Nay bà yêu cầu ông B bà T phải trả cho vợ chồng bà 60.000.000đồng tiền gốc. Còn tiền lãi, bà chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng đối với số tiền gốc 60.000.000đồng từ ngày trả lãi cuối cùng 26/6/2013 đến ngày khởi kiện 28/7/2020, bà không yêu cầu tính lãi từ sau ngày 28/7/2020 và sau ngày xét xử vụ án. Bà cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện, khi khởi kiện bà chỉ kiện ông B, nay bà khởi kiện cả bà T phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 60.000.000đồng và tiền lãi.

- *Tại bản tự khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Đặng Văn B trình bày:* Ông không được vay mượn gì của bà V, giữa bà V và vợ ông (bà T) có vay mượn nhau như thế nào ông không được biết.

Tại phiên tòa, ông B vắng mặt.

- *Tại bản tự khai trong hồ sơ vụ án, đồng bị đơn là bà Trần Thị T trình bày:* Ngày 25/01/2012, bà vay của vợ chồng bà V ông To số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 26/8/2012, bà vay tiếp số tiền 10.000.000đồng. Trong thời gian vay tiền, bà đã trả tiền lãi đúng quy định, bà V ông To đã lấy cám của bà về nuôi gà và đã trừ vào số tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt.

- *Đối với ông Đỗ Xuân To là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.* Mặc dù đã được triệu tập nhưng ông To không đến Tòa án làm việc, ông To cũng không cung cấp cho Tòa án ý kiến của ông đối với vụ án.

Tại phiên tòa, ông To vắng mặt.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Bà V khởi kiện ông B, bà T có nơi cư trú tại thôn LL1, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền đã cho vay. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 B luật tố tụng dân sự.

Bà V khởi kiện cả bà T và ông B phải trả nợ cho bà, HĐXX chuyển tư cách tham gia tố tụng của bà T từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thành đồng bị đơn trong vụ án là đúng pháp luật.

Tại phiên toà, ông B, ông To, bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 B luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của bà V đối với ông B bà T: Theo trình bày của bà V, phù hợp với sự thừa nhận của bà T, phù hợp với nội dung các giấy biên nhận vay tiền. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/8/2012 âm lịch, bà T vay của bà V số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 25/11/2012 âm lịch, ông B và bà T tiếp tục vay của bà V số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Cả 2 khoản vay đều không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Đến nay mặc dù bà V đã đòi nhiều lần nhưng bà T ông B chưa trả được khoản tiền gốc nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 B luật dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay bà V yêu cầu vợ chồng ông B bà T phải trả số tiền gốc 60.000.000đồng là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu này của bà V.

[3] Về tiền lãi:

- Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Nay bà V tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX tính lãi theo mức lãi suất này.

- Về số tiền lãi đã trả: Theo bà V thì bà T đã trả lãi được 2 – 3 tháng và bà lấy vài bao cám trừ nợ lãi, nay bà yêu cầu tính lãi từ ngày 26/6/2013 đến khi khởi kiện 28/7/2020. Bà T trình bày, bà đã trả tiền lãi cho bà V nhưng bà không chứng minh đã trả được bao nhiêu, trả đến thời điểm nào. Qua xem xét giấy biên nhận vay tiền số tiền 10.000.000đồng thì thấy có nội dung “ngày 26/6/2013 T trả lãi” nên HĐXX có căn cứ khẳng định bà T đã trả lãi đến ngày 26/6/2013. Nay bà V yêu cầu tính lãi từ ngày 26/6/2013 đến ngày 28/7/2020 theo mức lãi suất 0,75%/tháng là có căn cứ. Số lãi ông B bà T phải trả là  $60.000.000\text{đồng} \times 0,75\% = 450.000\text{đồng/tháng} \times 85\text{ tháng} + 15.000\text{đồng/ngày} \times 02\text{ ngày} = 38.280.000\text{đồng}$ .

Tổng cả gốc và lãi là  $60.000.000\text{đồng} + 38.280.000\text{đồng} = 98.280.000\text{đồng}$ .

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà V thừa nhận, số tiền cho vợ chồng bà T vay là tài sản chung của bà V và ông To. Ông B cho rằng ông không vay tiền của bà V, không biết việc vay nợ giữa bà T và bà V nhưng trong các giấy biên nhận vay tiền thì bà T đều viết tên cả 2 vợ chồng đứng ra vay tiền, ông B cũng ký vào giấy vay số tiền 50.000.000đồng. Đối với giấy vay 10.000.000đồng mặc dù không có chữ ký của ông B nhưng bà T vay tiền để kinh doanh phát triển kinh tế phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên HĐXX buộc ông B bà T phải liên đới trả cho bà V ông To số tiền 98.280.000đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 B luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[6] Về án phí: Yêu cầu của bà V được chấp nhận nên ông B bà T phải chịu án phí. Tuy nhiên, do ông B bà T đang thuộc diện hộ cận nghèo nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông B bà T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 B luật tố tụng dân sự;

Điều 471; khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 B luật dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 468 B luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị V đối với ông Đặng Văn B và bà Trần Thị T.

Buộc ông Đặng Văn B và bà Trần Thị T phải liên đới trả cho bà Đỗ Thị V và ông Đỗ Xuân To số tiền gốc là 60.000.000đồng, tiền lãi là 38.280.000đồng. Tổng cộng là 98.280.000đồng (chín mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Văn B và bà Trần Thị T.

- Trả lại bà Đỗ Thị V 2.670.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006467 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thế Đăng**